MỘT SỐ QUAN NIỆM VỀ GIA ĐÌNH TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

MAI VĂN HẢI*

Tóm tắt: *Trong những năm gần đây, sự phát triển của xã hội đã làm xuất hiện một số hiện tượng mới liên quan đến gia đình như sống chung không qua kết hôn hoặc không sinh con. Bài viết tập trung làm rõ quan niệm về các hiện tượng này ở các nhóm tuổi khác nhau. Khảo sát được tiến hành với 260 người dân ở các nhóm trẻ, trung niên và cao tuổi. Kết quả cho thấy nhóm trẻ tuổi nhận biết và đồng tình với các xu hướng mới trong quan niệm về gia đình cao hơn nhóm trung niên và cao tuổi. Cả ba nhóm đều đồng tình ở mức độ thấp với các hiện tượng như sống chung không qua kết hôn, đi làm toàn thời gian hay ly hôn khi con còn quá nhỏ, nhất là với nhóm trung niên và cao tuổi. Kết quả này minh chứng cho sự thay đổi quan niệm về gia đình, giúp mỗi nhóm tuổi thấu hiểu và chấp nhận các giá trị sống của nhau trong cuộc sống cũng như đưa ra các kiến nghị phù hợp trong bối cảnh hiện nay.*

Từ khóa: gia đình, quan niệm gia đình, xu hướng gia đình.

Nhận bài: 9/10/2025 Gửi phản biện: 07/01/2026 Duyệt đăng: 10/2/2026

1. Mở đầu

Trong vài thập kỷ gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế-xã hội, khoa học công nghệ, dẫn tới những thay đổi trong sự tham gia vào thị trường lao động của nam và nữ… tạo ra sự biến đổi và các xu hướng khác với mô hình, giá trị truyền thống trong gia đình. Điều này đã được chỉ ra trong nhiều nghiên cứu. Tại Anh, báo cáo về gia đình giai đoạn 2006-2007 và 2018-2019 đã chỉ ra một số xu hướng mới như sống chung như vợ chồng, sinh con mà không kết hôn, làm việc khi con dưới 3 tuổi, ly hôn khi con dưới 12 tuổi. Thêm vào đó, thái độ tiêu cực với các xu hướng này chủ yếu giảm dần giữa hai lần khảo sát. Cụ thể như sau: không sinh con: 8 - 6%, sống chung như vợ chồng: 14 - 18%, sinh con mà không kết hôn: 21 - 12%, làm việc khi con dưới 3 tuổi: 20 - 11%, ly hôn khi con dưới 12 tuổi: 28-16% (Curtice et al., 2020). Melanie (2005) trong nghiên cứu về gia đình Mỹ và châu Âu đã cho thấy một số khía cạnh như gia tăng tuổi kết hôn và tình trạng ly hôn, phụ nữ tham gia vào lao động, cha mẹ đơn thân, sống chung, mô hình gia đình phi truyền thống. Theo Hội đồng châu Âu, số vụ ly hôn tăng gấp bốn lần ở châu Âu trong thời gian từ 1960-1985 (Bégeot & Fernandez-Cordon, 1997). Tỷ lệ ly hôn cao được giải thích dưới góc độ

* *Viện Xã hội học và Tâm lý học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.*

phụ nữ tham gia nhiều hơn vào thị trường lao động, có học vấn và địa vị xã hội. Ở các nước Bắc Âu, số lượng lao động nữ còn cao hơn lao động nam. Cũng vì phải tham gia lao động và chăm sóc gia đình nên phụ nữ ở châu Âu thường không có nhiều hơn 2 con. Về kiểu gia đình, nhìn chung đã xuất hiện các kiểu gia đình phi truyền thống như gia đình đơn thân, sống chung như vợ chồng không qua kết hôn, gia đình đồng tính,… Kết quả nghiên cứu của Chaloupková và cộng sự (2014), Oláh (2015), Yablonska và cộng sự (2020),… tiếp tục khẳng định các xu hướng nói trên, cũng như chỉ ra "thời kỳ vàng" của gia đình châu Âu - với tỷ lệ kết hôn và tỷ lệ sinh cao, tỷ lệ ly hôn thấp gắn với kiểu gia đình truyền thống - đã qua. Thanh niên có xu hướng tập trung vào sự nghiệp, lựa chọn không lập gia đình, cặp đôi không sinh con và tập trung vào trải nghiệm mới mẻ và cuộc sống thoải mái, đa dạng trong các mối quan hệ (sống chung không kết hôn, "sống thử", có quan hệ tình dục nhưng không chung nhau về kinh tế, sống một mình, trì hoãn việc hôn nhân cũng như sinh con, hôn nhân đồng giới). Từ thực tế đó, Vilhena và cộng sự (2017) đã phân tích và chỉ ra chính sách của nhà nước cần phù hợp với từng loại hình gia đình. Đối với gia đình đơn thân, cần có sự xem xét, thừa nhận trong xã hội, nền kinh tế và thị trường lao động, tạo điều kiện cho cha mẹ đơn thân tham gia nhiều hơn vào thị trường lao động, giáo dục và cơ hội học tập, chăm sóc con cái, các chính sách cần có sự bình đẳng giữa cha mẹ sau ly hôn về nơi ở, chăm con… Đối với tình trạng tỷ lệ sinh thấp, các chính sách của nhà nước cần giải quyết các vấn đề như cha mẹ tiếp cận việc làm muộn hơn trước đây, thu nhập thấp của cha mẹ, đồng thời tạo điều kiện nhiều hơn cho các bà mẹ ở nơi làm việc, hỗ trợ chi phí sinh hoạt, nhà ở (vốn đắt đỏ),… Những kiến nghị này có giá trị không chỉ trong nghiên cứu khoa học mà còn giúp hoạch định chính sách ở cả châu Âu và các quốc gia, châu lục khác.

Trong nghiên cứu có tên "Giá trị gia đình ở Địa Trung Hải" (*Family values in the Mediterranean*), Jones (1994) đã cho rằng có hai quan điểm chính liên quan đến giá trị gia đình. Một quan điểm ủng hộ giá trị gia đình truyền thống và một quan điểm ngược lại - coi giá trị truyền thống như một thiết chế cũ. Quan điểm "phi truyền thống" này được lan truyền tới khu vực Địa Trung Hải trong những năm 1960 và dẫn tới sự gia tăng của ly hôn, sự giảm tỷ lệ sinh, và xu hướng ít chú ý đến các giá trị truyền thống về tình dục, bất khả phân ly và giáo dục trẻ em. Từ những thay đổi trong các giá trị gia đình như trên, tác giả đặt câu hỏi có thể coi những hiện tượng này là "khủng hoảng gia đình" được không? Từ đó, tác giả cho rằng việc coi các hiện tượng nói trên là "khủng hoảng gia đình" vì đã nhấn mạnh vào các mô hình/giá trị đã lỗi thời và việc giả định (sai lầm) rằng bảo tồn các giá trị cũ là tốt như nó đã từng có trước đây. Một mặt, chúng ta từ chối chấp nhận các hành vi theo nhu cầu của cuộc sống hiện đại, mặt khác lại dùng các giá trị cũ để đánh giá. Thông qua kết quả này, có thể thấy sự đánh giá về các hiện tượng nói trên trong gia đình là chủ đề cần quan tâm nghiên cứu nhiều hơn nữa.

Ở Việt Nam, trong những năm gần đây, đã có một số nghiên cứu tập trung vào các hiện tượng như sống chung không qua kết hôn (Nguyễn Đức Chiện, 2011; Đinh Việt Hà, 2016); quan hệ tình dục ngoài hôn nhân (Nguyen và cộng sự, 2016); xu hướng không muốn sinh con (Phúc Minh, 2024). Có thể thấy, cùng với sự phát triển của xã hội, các quan niệm khác nhau về gia đình cũng xuất hiện. Từ thực tế đó, việc nghiên cứu quan niệm của các

nhóm tuổi về các hiện tượng này sẽ góp phần làm rõ hơn thái độ sống của các thế hệ cũng như góp phần lý giải rõ hơn sự tồn tại của các xu hướng gia đình trong xã hội hiện đại. Các phân tích trong bài viết được lấy từ kết quả của đề tài cấp Bộ năm 2023-2024 "Quan niệm của người Việt Nam về các giá trị gia đình hiện nay".

2. Phương pháp và mẫu khảo sát

- *Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi*: Bảng câu được thiết kế để hỏi về mức độ *phổ biến* và mức độ *đồng tình* với các quan niệm mới về gia đình, gồm: không sinh con, sống với nhau như vợ chồng mà không kết hôn, sinh con trong khi sống chung mà không kết hôn, làm việc toàn thời gian khi có con dưới 6 tháng tuổi, ly hôn khi con còn quá nhỏ. Mỗi nội dung có 5 mức độ lựa chọn, từ 1 - "không có" đến 5 - "phổ biến", với câu hỏi về mức độ phổ biến; và 1 - "rất không đồng ý" đến 5 - "rất đồng ý", với câu hỏi về mức độ đồng tình. Kết quả kiểm tra độ tin cậy của hai nhóm nội dung này như sau:

Bảng 1. Độ tin cậy của các nhóm nội dung được khảo sát

Nhóm nội dung	Số lượng câu hỏi khảo sát	Độ tin cậy	Tương quan - tổng biến
Mức độ phổ biến	5	0,86	0,61 - 0,74
Mức độ đồng tình	5	0,91	0,87 - 0,90

Nguồn: Phân tích số liệu của Đề tài cấp Bộ 2023-2024.

Có thể thấy hệ số tin cậy của các nội dung nói trên đều đảm bảo để tiến hành các phân tích thống kê. Trong nghiên cứu này, các phép thống kê được sử dụng gồm điểm trung bình (mean) và so sánh giữa ba nhóm mẫu độc lập (one way ANOVA).

- *Địa bàn khảo sát và mẫu khảo sát*: Thanh Hóa và Hà Nội với tổng mẫu khảo sát là 260 người, độ tuổi trung bình: 47.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Một số quan niệm về gia đình

Để làm rõ quan niệm của nhóm mẫu khảo sát về gia đình, bài viết trước hết tập trung vào số liệu chung. Bảng số liệu sẽ được trình bày theo logic về mức độ phổ biến và mức độ đồng tình của người được hỏi với các quan niệm này.

Từ bảng số liệu, có thể thấy ý kiến của mẫu khảo sát về mức độ phổ biến và mức độ đồng tình với một số xu hướng trong gia đình đều ở khoảng 2 và 3 của thang đo 5 mức độ. Nhìn chung, kết quả này phản ánh rằng những người được khảo sát đã nhận thấy các quan niệm nói trên trong xã hội hiện đại và thái độ của họ với các vấn đề này là không tích cực.

Đối với mức độ phổ biến của các xu hướng, có thể thấy 5/4 mệnh đề nằm trong khoảng đánh giá thứ ba (từ 2,60 - 3,4 - mức "thỉnh thoảng") của thang đo 5 mức độ. Điều đó cho thấy các hiện tượng được xem xét ở trên đều ít nhiều tồn tại. Trong nghiên cứu về gia đình ở châu Âu, Van De Kaa (1987) cho rằng đang có sự thay đổi mạnh mẽ theo hướng chuyển dịch từ giá trị tập thể, truyền thống sang giá trị cá nhân. Trong hôn nhân và gia đình, sự dịch chuyển của các giá trị này được biểu hiện ở các xu hướng như tách rời hôn nhân và

sinh sản (trì hoãn kết hôn, sống thử, sống chung và sinh con ngoài giá thú); sự đa dạng hóa mô hình gia đình (độc thân, không con); sự tự chủ của phụ nữ (giáo dục, sự nghiệp, tự quyết sinh sản). Nội dung có kết quả thấp nhất trong bảng số liệu là "không sinh con", với điểm trung bình 2,57. Điều này có thể được lý giải bởi quan niệm của người Việt Nam rằng việc sinh con, nối tiếp dòng dõi, đông con nhiều cháu luôn là biểu hiện của hạnh phúc. Trong nghiên cứu về văn hóa gia đình Việt Nam, Vũ Ngọc Khánh (2023:30) cho rằng "nhà có phúc là nhà có con nối dõi tông đường, là gia đình liền mạch từ ông bà, cha mẹ đến con cái các đời về sau". Từ những kết quả này, ta thấy được sự xuất hiện của các xu hướng trong đời sống gia đình, cũng như sự tự do trong việc lựa chọn cách sống, hướng đến một cuộc sống hạnh phúc của mỗi người. Điều đó phần nào phản ánh bức tranh chung về quá trình biến đổi của gia đình trong cuộc sống hiện đại.

Bảng 2. Xu hướng và quan niệm về gia đình

Một số xu hướng	N	Min	Max	ĐTB	ĐLC
Không sinh con	245	1	5	2,57	1,08
Sống với nhau như vợ chồng mà không kết hôn	244	1	5	2,67	1,19
Sinh con trong khi sống chung mà không kết hôn	244	1	5	2,64	1,04
Làm việc toàn thời gian khi có con dưới 6 tháng tuổi	244	1	5	2,67	1,20
Ly hôn khi con còn quá nhỏ	244	1	5	2,65	1,18
Trung bình chung				**2,64**	
Quan niệm					
Không sinh con	239	1	5	2,30	1,26
Sống với nhau như vợ chồng mà không kết hôn	240	1	5	2,35	1,20
Sinh con trong khi sống chung mà không kết hôn	239	1	5	2,36	1,19
Làm việc toàn thời gian khi có con dưới 6 tháng tuổi	239	1	5	2,46	1,23
Ly hôn khi con còn quá nhỏ	239	1	5	2,28	1,29
Trung bình chung				**2,35**	

Nguồn: Phân tích số liệu của Đề tài cấp Bộ 2023-2024.

Kết quả nhóm nội dung về mức độ đồng tình với các xu hướng nói trên trong đời sống gia đình đều không tích cực. Như ở các nội dung trước đã đề cập, các xu hướng như sinh ít con, sống chung không qua hôn nhân, ly hôn,… thể hiện các giá trị sống tự do cá nhân, ít chịu sự ràng buộc bởi dư luận, các mối quan hệ xã hội, gia đình. Trong khi đó, xã hội Việt Nam vốn thiên về các giá trị văn hóa truyền thống, tập thể (Nguyen và William 1989; Hofstede, 2011); vì vậy những quan niệm sống thiên về tự do cá nhân ít nhận được sự đồng tình của những người khảo sát. Mặt khác, những kết quả này cũng phần nào cho thấy những quan niệm gia đình cũng trở nên phong phú hơn, khác biệt nhiều hơn với mô hình gia đình truyền thống vốn nhấn mạnh hôn nhân hợp pháp, sinh con và tính bền vững lâu dài, qua đó giúp tái định nghĩa gia đình theo hướng linh hoạt, đa dạng, phù hợp với bối cảnh hiện đại. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển lý thuyết xã hội học, tâm lý học gia đình và nghiên cứu văn hóa. Thêm vào đó, kết quả dù thấp của các quan niệm gia đình được khảo sát trong nghiên cứu này phản ánh sự biến đổi của các giá trị, lối

sống trong xã hội hiện đại. Điều này đặt ra yêu cầu mỗi cá nhân cần hiểu rõ hơn sự vận động khách quan của xã hội cũng như lựa chọn các giá trị sống phù hợp, đề cao trách nhiệm với gia đình, chăm sóc con cái,… nhằm xây dựng gia đình bền vững.

3.2. Khác biệt về quan niệm gia đình

Trên cơ sở định hướng chung đã trình bày, bài viết tiếp tục phân tích sự khác biệt trong quan niệm của ba nhóm tuổi (trẻ, trung niên và cao tuổi) đối với một số quan niệm mới về hôn nhân và gia đình, thông qua mức độ nhận thức về tính phổ biến cũng như mức độ đồng tình của từng nhóm; từ đó làm rõ vai trò và ý nghĩa xã hội của các quan niệm này trong việc định hình lựa chọn hôn nhân, duy trì chuẩn mực gia đình và phản ánh quá trình biến đổi giá trị giữa các thế hệ.

Bảng 3. Một số xu hướng trong gia đình từ góc nhìn của ba nhóm tuổi

Một số xu hướng	Nhóm tuổi	N	M (SD)	F, df, p
Không sinh con	(1) Trẻ	79	3,01 (1,01)	$F(2, 242) = 10.355$; $p = 0,01$
	(2) Trung niên	79	2,37 (0,98)	(1) > (2); $p = 0,01$
	(3) Cao tuổi	87	2,36 (1,12)	(1) > (3); $p = 0,01$
				(2) > (3); $p = 0,94$
Sống với nhau như vợ chồng mà không kết hôn	(1) Trẻ	79	3,20 (1,21)	$F(2, 241) = 14.502$; $p = 0,01$
	(2) Trung niên	78	2,58 (1,08)	(1) > (2); $p = 0,01$
	(3) Cao tuổi	87	2,26 (1,10)	(1) > (3); $p = 0,01$
				(2) > (3); $p = 0,79$
Sinh con trong khi sống chung mà không kết hôn	(1) Trẻ	79	2,85 (1,00)	$F(2, 241) = 2.758$; $p = 0,06$
	(2) Trung niên	78	2,63 (1,02)	(1) > (2); $p = 0,18$
	(3) Cao tuổi	87	2,47 (1,07)	(1) > (3); $p = 0,02$
				(2) > (3); $p = 0,33$
Làm việc toàn thời gian khi có con dưới 6 tháng tuổi	(1) Trẻ	79	3,00 (1,18)	$F(2, 241) = 4.591$; $p = 0,01$
	(2) Trung niên	78	2,46 (1,20)	(1) > (2); $p = 0,05$
	(3) Cao tuổi	87	2,56 (1,17)	(1) > (3); $p = 0,19$
				(2) < (3); $p = 0,58$
Ly hôn khi con còn quá nhỏ	(1) Trẻ	79	3,00 (1,28)	$F(2, 241) = 5.472$; $p = 0,01$
	(2) Trung niên	78	2,55 (1,01)	(1) > (2); $p = 0,16$
	(3) Cao tuổi	87	2,43 (1,17)	(1) > (3); $p = 0,01$
				(2) > (3); $p = 0,49$

Nguồn: Phân tích số liệu của Đề tài cấp Bộ 2023-2024.

Xem xét bảng số liệu, có thể thấy xu hướng nhóm trẻ có kết quả cao nhất, tiếp đến lần lượt là nhóm trung niên và nhóm cao tuổi. Sự khác biệt này được khẳng định khi 4/5 mệnh đề có $p<0,05$.

Trong bảng số liệu, nội dung "Sống với nhau như vợ chồng mà không kết hôn" có kết quả cao nhất và phân hóa rõ nét ở các nhóm tuổi. Trong đó, nhóm trẻ có điểm trung bình là 3,2 cao nhất trong toàn bảng và nhóm cao tuổi có điểm trung bình là 2,26, thấp nhất trong bảng số liệu. Nguyễn Đức Chiện (2011) khi nghiên cứu về sống chung trước hôn nhân đã cho thấy theo tiến trình phát triển, các thế hệ sinh trước những năm 1980-1990 do chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo, của quan niệm "nam nữ thụ thụ bất thân" nên không có hiện tượng này. Sự biến đổi kinh tế-xã hội sâu rộng ở Việt Nam đã dẫn đến những thay đổi về các giá trị, chuẩn mực, lối sống,… trong đó có hiện tượng nam nữ thanh niên sống

chung với nhau trước hôn nhân. Đối tượng chủ yếu của hiện tượng này là nam nữ thanh niên, sinh viên. Như vậy, thống nhất với kết quả nghiên cứu nói trên, trong nghiên cứu này, nhóm tuổi càng cao thì nhận biết xu hướng trong đời sống gia đình và xã hội càng thấp.

Bảng 4. Sự đồng tình với một số quan niệm trong gia đình từ góc nhìn của ba nhóm tuổi

Quan niệm	Nhóm tuổi	N	M (SD)	F, df, p
Không sinh con	(1) Trẻ	82	2,45 (1,13)	$F(2, 236) = 1.818$; $p = 0,16$
	(2) Trung niên	75	2,08 (1,28)	(1) > (2); $p = 0,06$
	(3) Cao tuổi	82	2,35 (1,34)	(1) > (3); $p = 0,62$
				(2) > (3); $p = 0,17$
Sống với nhau như vợ chồng mà không kết hôn	(1) Trẻ	82	2,44 (1,09)	$F(2, 237) = 0,684$; $p = 0,51$
	(2) Trung niên	76	2,22 (1,21)	(1) > (2); $p = 0,26$
	(3) Cao tuổi	82	2,39 (1,30)	(1) > (3); $p = 0,79$
				(2) < (3); $p = 0,38$
Sinh con trong khi sống chung mà không kết hôn	(1) Trẻ	82	2,33 (1,12)	$F(2, 236) = 2.260$; $p = 0,11$
	(2) Trung niên	75	2,17 (1,14)	(1) > (2); $p = 0,41$
	(3) Cao tuổi	82	2,57 (1,29)	(1) < (3); $p = 0,19$
				(2) < (3); $p = 0,03$
Làm việc toàn thời gian khi có con dưới 6 tháng tuổi	(1) Trẻ	82	2,30 (1,07)	$F(2, 236) = 2.133$; $p = 0,12$
	(2) Trung niên	75	2,39 (1,29)	(1) < (2); $p = 0,67$
	(3) Cao tuổi	82	2,68 (1,31)	(1) < (3); $p = 0,50$
				(2) < (3); $p = 0,13$
Ly hôn khi con còn quá nhỏ	(1) Trẻ	82	2,17 (1,16)	$F(2, 236) = 2.128$; $p = 0,12$
	(2) Trung niên	75	2,13 (1,26)	(1) > (2); $p = 0,85$
	(3) Cao tuổi	82	2,51 (1,40)	(1) < (3); $p = 0,09$
				(2) < (3); $p = 0,06$

Nguồn: Phân tích số liệu của Đề tài cấp Bộ 2023-2024.

Từ bảng số liệu, có thể thấy cả ba nhóm đều có mức độ đồng tình thấp với một số quan niệm được khảo sát trong gia đình và giữa các nhóm không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Nói cách khác, những người được khảo sát đều thống nhất với nhau trong cách nhìn không tích cực về các quan niệm này.

Tuy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê nhưng việc xem xét dữ liệu khảo sát từ các nhóm sẽ ít nhiều cho chúng ta thấy thái độ đồng tình của các nhóm tuổi về vấn đề này. Xem xét toàn bảng số liệu, có thể thấy mệnh đề có điểm số thể hiện sự đồng tình thấp nhất là "Ly hôn khi con còn quá nhỏ". Điểm trung bình của ba nhóm trẻ, trung niên, cao tuổi lần lượt là: 2,17 - 2,13 - 2,51. Văn hóa gia đình Việt Nam vốn đề cao "công cha nghĩa mẹ", sự hi sinh chăm sóc của cha mẹ dành cho con. Vì vậy, việc ly hôn khi con còn nhỏ, vốn dĩ ảnh hưởng lớn tới đứa con, không nhận được sự đồng tình của những người được khảo sát. So sánh ba nhóm, có thể thấy nhóm trung niên có sự đồng tình thấp nhất với hiện tượng này. Trong nghiên cứu so sánh khác biệt giá trị giữa các thế hệ, Mai Văn Hải và cộng sự (2024) cũng chỉ ra nhóm trung niên vốn đang trong độ tuổi phải chăm sóc cho các thành viên gia đình nên đối với họ tinh thần trách nhiệm - thể hiện qua quan niệm "cá chuối đắm đuối vì con" - rất rõ nét. Chính vì vậy, họ dường như phản đối mạnh mẽ hơn đối với việc ly hôn khi con còn nhỏ.

Ở chiều ngược lại, nội dung có điểm trung bình cao nhất là "Sống với nhau như vợ chồng mà không kết hôn". Trong đó, nhóm trẻ cho thấy cái nhìn cởi mở hơn về vấn đề này. Trong nghiên cứu định kiến về việc sống chung trước hôn nhân, Đinh Việt Hà (2016) đã tổng kết các kết quả nghiên cứu liên quan và cho thấy thái độ về sống thử trên báo chí tuy thay đổi không nhiều, song đang có xu hướng ngày càng tích cực và cởi mở hơn. Điều đó giúp ta lý giải phần nào cho kết quả nghiên cứu trong đề tài này.

Có thể nói, kết quả không cao và không có nhiều sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm tuổi như trên phản ánh những giá trị chung của các thế hệ liên quan đến sự bền vững và hạnh phúc gia đình, đồng thời thể hiện thái độ không đồng tình với những biểu hiện không hướng tới sự bền vững, trách nhiệm gia đình. Đây là cơ sở khoa học quan trọng để những người làm công tác tham vấn, hoạch định chính sách về gia đình đưa ra các biện pháp tác động, chính sách phù hợp nhằm hướng tới gia đình hạnh phúc. Bên cạnh đó, cần có cái nhìn cởi mở hơn không chỉ giữa các thế hệ mà trong cuộc sống nói chung liên quan đến sự lựa chọn các giá trị theo mong muốn cá nhân, bởi bản thân các quan niệm này trên thực tế đã ít nhiều tồn tại. Điều quan trọng là cần có sự định hướng một cách đúng đắn, hỗ trợ những khó khăn liên quan đến việc sinh và nuôi dạy con, giảm thiểu những khác biệt xung đột giá trị giữa các thế hệ.

4. Bàn luận và kết luận

Thống nhất với kết quả nghiên cứu trong bài, xem xét các nghiên cứu xoanh quanh chủ đề quan niệm về hôn nhân gia đình hiện nay, có thể thấy, các nghiên cứu dù có cách tiếp cận, mẫu khảo sát, bối cảnh văn hóa-xã hội khác nhau, đều khẳng định sự biến đổi của các giá trị văn hóa và sự xuất hiện của các quan niệm khác về gia đình. Trần Thị Minh Thi (2020) trong khi nghiên cứu về sự biến đổi của gia đình đã chỉ ra những thách thức mới đối với gia đình Việt Nam như mức sinh thấp, ly hôn gia tăng và suy giảm gắn kết giữa các thế hệ. Trong nghiên cứu về khoảng cách thế hệ (N=200), Aggarwal và cộng sự (2017) đã nhận thấy khoảng cách thế hệ là một vấn đề đáng chú ý thường xuất hiện giữa giới trẻ và thế hệ lớn tuổi, bắt nguồn từ các nguyên nhân như thiếu giao tiếp, quan điểm sống khác biệt, biến số văn hóa và ảnh hưởng của công nghệ. Cox (2022) đã phân tích những biến đổi trong gia đình Mỹ và chỉ ra rằng dù tỷ lệ kết hôn và sinh con tiếp tục suy giảm, đa số người Mỹ vẫn coi hôn nhân và gia đình là những giá trị quan trọng trong cuộc đời. Gia đình Mỹ ngày càng đa dạng về hình thức, với sự gia tăng các cặp sống chung không kết hôn, hôn nhân liên tôn giáo và các mô hình nuôi con khác nhau.

Bên cạnh các kết quả nói trên, khi xem xét quan niệm gia đình ở các nhóm tuổi hay thành viên gia đình, có thể thấy các giá trị văn hóa gia đình truyền thống vẫn được duy trì một cách rõ nét. Điều này thể hiện ở việc khẳng định vai trò trung tâm của gia đình trong cuộc sống cá nhân thông qua sự gắn bó bền chặt giữa các thành viên và anh chị em, mong muốn sinh con (Cox, 2022), cũng như sự trao truyền các giá trị truyền thống và hiện đại giữa các thế hệ (Trần Thị Minh Thi, 2020)… Các khách thể nghiên cứu đại diện cho các nhóm tuổi khác nhau đều nhận ra sự cần thiết phải thấu hiểu nhau hơn giữa các thành viên, thế hệ trong gia đình. Những người tham gia nghiên cứu cũng cho thấy rằng khoảng cách

này có thể giảm bớt thông qua thảo luận, dành thời gian cho nhau, thấu hiểu nhau và giao tiếp hiệu quả (Aggarwal, 2017).

Tóm lại, trong những năm gần đây, sự phát triển của xã hội đã kéo theo các quan niệm khác nhau về gia đình. Kết quả của nghiên cứu này cho thấy cả ba nhóm tuổi đều ít nhiều khẳng định sự tồn tại của các xu hướng gia đình khác nhau và đều không đánh giá tích cực với các hiện tượng này. Bên cạnh đó, một số khác biệt giữa các nhóm tuổi cũng được chỉ ra, nhờ đó phản ánh sự khác biệt giữa các thế hệ trong quan niệm về gia đình. Điều đó nói lên sự thay đổi, chuyển dịch của các giá trị gia đình trong cuộc sống hiện đại. Một mặt, sự biến đổi và phát triển của các giá trị là điều tất yếu, nhưng mặt khác, công tác tư vấn, tham vấn gia đình cũng cần phải được chú trọng để tránh những hệ quả tiêu cực như khác biệt về quan niệm sống giữa các nhóm tuổi, hiện tượng sống chung, không sinh con,… Từ góc độ quản lý xã hội và hoạch định chính sách, có thể thấy các giá trị văn hóa gia đình Việt Nam tiếp tục được khẳng định nhưng cũng cần phải được đề cao hơn nữa để tránh những cách sống được coi là "phi truyền thống", trái với thuần phong mỹ tục. Bên cạnh đó, sự hỗ trợ đối với các gia đình trẻ nhằm giúp họ có thêm thời gian cho việc chăm sóc, nuôi dạy con cũng là điều cần thiết. Giữa các nhóm tuổi cũng cần có sự thấu hiểu, chấp nhận các giá trị của nhau cũng như các quan niệm khác nhau trong cuộc sống và trong gia đình. Có thể nói, trong khuôn khổ của một nghiên cứu với nhiều hạn chế về nguồn lực và thời gian, với các nội dung mang tính khám phá nên chỉ có thể khảo sát trên một cỡ mẫu nhỏ, nhưng đã ít nhiều chỉ ra sự tồn tại và các cách nhìn khác nhau về những điều cốt lõi nhất trong gia đình hiện đại. Điều đó gợi ý rằng cần có những nghiên cứu tiếp theo, sâu rộng hơn về vấn đề này để các nhận định đưa ra mang tính toàn diện hơn cũng như thấy được thực trạng, xu hướng biến đổi, từ đó đưa ra các chính sách liên quan nhằm hướng đến gia đình bền vững, hạnh phúc hơn.

Tài liệu tham khảo

Aggarwal, M., Rawat, M. S., Singh, S., Srivastava, S., & Gauba, P. (2017). *Generation Gap: An Emerging Issue of Society*. *International Journal of Engineering Technology Science and Research (IJETSR)*, *4*(9), 973–983.

Bégeot, F., & Fernandez-Cordon, J.A. (1997). Demographic Convergence beyond National Differences, p. 23 - 44. In: Jacques Commaille, François Singly, The European Family - The Family Question in the European Community, Springer Science + Business Media.

Cox, D. A. (2022). *Emerging trends and enduring patterns in American family life*. American Enterprise Institute, Survey Center on American Life. https://www.americansurveycenter.org/research/emerging-trends-and-enduring-patterns-in-american-family-life/

Curtice, J., Hudson, N., and Montagu, I. (eds.). (2020). *British Social Attitudes: The 37th Report*. London: The National Centre for Social Research.

Đinh Việt Hà (2016), Định kiến giới về phụ nữ sống thử thể hiện trên báo chí những năm gần đây, Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới, số 2, trang 74-82.

Goody, J. (2000). The European Family: An Historico-Anthropological Essay, (Oxford: Blackwell Publishers Ltd), p. 147

Hofäcker, D., and Chaloupková, J. (2014). Patterns of Family Life Courses in Europe - between Standardisation and Diversity A Cross-national Comparison of Family Trajectories and Life Course Norms in European Countries. Comparative Population Studies, Vol. 39, 3: 559 - 586.

Hofstede, G. (2015). Dimensionalizing Cultures: The Hofstede Model in Context. Online Readings in Psychology and Culture, International Association for Cross-Cultural Psychology, Retrieved 6 September2015, http://dx.doi.org/10.9707/2307-0919.1014

Jones, P. (1993), Family values in the Mediterranean. Institute Occasional Papers 6. A Seminar Report based on the meeting held in The University of Malta, 3rd - 5th December 1993 by The University of Malta and The Institute for Advanced Studies in the Humanities EDINBURGH: 1994

Matysiak, A., Sobotka, T., & Vignoli, D. (2020). The Great Recession and Fertility in Europe: A Sub-national Analysis. European journal of population = Revue europeenne de demographie, 37(1), 29–64. https://doi.org/10.1007/s10680-020-09556-y

Melanie, S. (2005). An examination of modern family communication and moral values in America and Europe". Senior Honors Theses & Projects. 67. https://commons.emich.edu/honors/67

Nguyễn Đức Chiện (2011), Sống chung trước hôn nhân của nam, nữ sinh viên hiện nay (Nghiên cứu trường hợp Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Luận án tiến sĩ Xã hội học, Học viện Khoa học Xã hội.

Mai Văn Hải, Vũ Quỳnh Châu, Lê Thị Thu Hiền (2024), Quan niệm của các thế hệ về giá trị gia đình trong mối quan hệ cha mẹ - con hiện nay. Tạp chí Tâm lý học, số 3/2024, trang 45-58.

Nguyen, H., Shiu, C., & Hardesty, M. (2016) Extramarital sex among Vietnamese married men: Results of a survey in urban and rural areas of Northern and Southern Vietnam. Journal of Sex Research. 53:9, 1065 1081, DOI: 10.1080/00224499.2015.1104287

Nguyen, N.A. and Williams, Harold L. (1989). Transition from East to West: Vietnamese Adolescents and Their Parents. Journal of the American Academy of Child & Adolescent Psychiatry, July 1989 28(4):505-515. https://doi.org/10.1097/00004583-198907000-00007

Oláh, L.Sz. (2015). Changing families in the European Union: trends and policy implications. Analytical paper, prepared for the United Nations Expert Group Meeting, "Family policy development: achievements and challenges", New York, May 14-15, 2015

Policy Makers in Europe Evidence and recommendations from the FP7 project FamiliesAndSocieties. Population Europe Discussion Papers, No. 05 April 2017, www.population-europe.eu

Trần Thị Minh Thi. (2020). *Những biến đổi của gia đình Việt Nam hiện nay và một số khuyến nghị chính sách*. https://www.tapchicongsan.org.vn/van_hoa_xa_hoi/-/2018/816737/nhung-bien-doi-cua-gia-dinh-viet-nam-hien-nay-va-mot-so-khuyen-nghi-chinh-sach.aspx

Van De Kaa D. J. (1987). Europe's second demographic transition. Population bulletin, 42(1), 1-59.

Vilhena, D.V, and Oláh (2017), Family Diversity and its Challenges for

Vũ Ngọc Khánh (2023), Văn hóa gia đình Việt Nam, Nxb Hồng Đức.

Yablonska, T., Artyukh, O., and Gorbaniuk, J. (2020). Family values of contemporary Ukrainian youth in across-cultural context, Roczniki Teologiczne, Tom LXVII, zeszyt 10 - 2020. DOI: http://dx.doi.org/10.18290/rt206710-11